|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG**

Thực hiện quy định của Luật Ban hanh văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Kết quả như sau:

# I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

## 1. Bối cảnh xây dựng

**1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của Đại hội đảng lần thứ 13 đã xác định: *“Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp,* ***khu CNTT tập trung*** *và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm liên kết ngành, nhóm sản phẩm chuyên môn hóa và tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao và theo lợi thế của các địa phương tại một số vùng, địa bàn trọng điểm”*.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định ***“phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số”*** là một trong những giải pháp để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó xác định *“Đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động của các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,* ***khu CNTT tập trung****”*; *“Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, ưu tiên đầu tư phát triển nhanh, đi trước một bước. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa, xã hội”*.

- Ngày 14/6/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số (số 71/2025/QH15), trong đó khoản 5 Điều 49 điều chỉnh tên gọi *“khu CNTT tập trung”* thành ***“khu công nghệ số tập trung”***. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết về: đầu tư, thu hút nguồn lực phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số (Điều 21); điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung (Điều 21); trình tự, thủ tục lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung (Điều 22); công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung (Điều 23); và quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung (Điều 25).

- Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 09/11/2013 của Chính phủ quy định về khu CNTT tập trung (sau đây gọi tắt là Nghị định số 154/2013/NĐ-CP) sẽ được thay thế bằng Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung từ ngày 01/01/2026.

- Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Khoa học và Công nghệ được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

**1.2. Cơ sở thực tiễn**

Ngày 14/6/2025, Quốc hội ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số, trong đó khoản 5 Điều 49 điều chỉnh tên gọi *“khu CNTT tập trung”* thành ***“khu công nghệ số tập trung”***. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết về: đầu tư, thu hút nguồn lực phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số (Điều 21); điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung (Điều 21); trình tự, thủ tục lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung (Điều 22); công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung (Điều 23); và quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung (Điều 25) để thay thế Nghị định số 154/2013/NĐ-CP. Đồng thời, hệ thống pháp luật chuyên ngành (đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng và quản lý tài sản công,…) đã có nhiều sự thay đổi dẫn đến Nghị định số 154/2013/NĐ-CP có nhiều quy định không còn phù hợp. Trên cơ sở đó, việc xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung với nhiều cơ chế, chính sách cũng như sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính về thành lập, mở rộng và công nhận khu công nghệ số tập trung là cần thiết, nhằm đảm bảo phù hợp với Luật Công nghiệp công nghệ số và hệ thống pháp luật chuyên ngành.

## 2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

**2.1. Mục đích**

- Các thủ tục hành chính được xây dựng đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 63/2010/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Hồ sơ và trình tự, thủ tục của các thủ tục hành chính được quy định chi tiết, rõ ràng, bảo đảm tính hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung; dự án lĩnh vực công nghệ số đầu tư vào trong khu công nghệ số tập trung.

- Nội dung của các thủ tục hành chính thống nhất trong toàn bộ dự thảo Nghị định, không trái với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**2.2. Yêu cầu đánh giá**

Đánh giá đầy đủ tác động của thủ tục hành hành chính dự kiến ban hành, bao gồm: *(i) thành lập khu công nghệ số tập trung; (ii) Mở rộng khu công nghệ số tập trung; và (iii) Công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung*.

# II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ[[1]](#footnote-1)

Để cụ thể hoá chính sách mới trong dự thảo Nghị định và bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển khu công nghệ số tập trung, dự thảo Nghị định dự kiến quy định 03 thủ tục hành chính ban hành mới, bao gồm:

*(i) Thủ tục hành chính về thành lập khu công nghệ số tập trung.*

*(ii) Thủ tục hành chính về mở rộng khu công nghệ số tập trung.*

*(iii) Thủ tục hành chính về công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung.*

## 1. Thủ tục hành chính về thành lập khu công nghệ số tập trung

**1.1. Sự cần thiết**

Phát triển các khu công nghệ số tập trung đã được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những định hướng trọng tâm phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam. Sự ra đời của các khu công nghệ số tập trung đã tạo ra cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số hoạt động, góp phần phát triển ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước - ngành công nghiệp công nghệ số. Khu công nghệ số tập trung cũng là vườn ươm cho doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phát triển; đồng thời, là trung tâm đào tạo nhân lực quan trọng cho cả nước nói chung và ngành công nghiệp công nghệ số nói riêng.

Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quyết định thành lập khu CNTT tập trung. Trong khi đó, khoản 5 Điều 49 Luật Công nghiệp công nghệ số đã điều chỉnh tên gọi *“khu CNTT tập trung”* thành ***“khu công nghệ số tập trung”***. Đồng thời, khoản 4 Điều 22 phân cấp thẩm quyền quyết định thành lập khu công nghệ số tập trung từ Thủ tướng Chính phủ xuống cho UBND cấp tỉnh. Theo quy định mới này, *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được* ***thành lập****, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Do vậy, việc xây dựng quy định thủ tục hành chính thành lập khu công nghệ số tập trung là cấp thiết để phù hợp với quy định của pháp luật.

**1.2. Tính hợp lý**

Thủ tục hành chính được quy định chi tiết, rõ ràng, đơn giản hóa tối đa để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung.

**1.3. Tính hợp pháp**

Thủ tục hành chính được quy định phù hợp với thẩm quyền ban hành của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Nội dung của thủ tục hành chính thống nhất trong toàn bộ dự thảo Nghị định, không trái với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đáp ứng yêu cầu của việc quy định thủ tục hành chính tại khoản 2 Điều 8 văn bản hợp nhất số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017).

**1.4. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính**

Dự thảo Nghị định không quy định thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thành lập khu công nghệ số tập trung, trong đó:

- Chi phí tuân thủ: 3.364.608 đồng.

- Tổng chi phí thực hiện trong 01 năm: 3.364.608 đồng/năm.

*Chi tiết đánh giá tác động của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới tại Phụ lục I kèm theo Bản đánh giá này. (Biểu mẫu 02/ĐGTĐ-BHM Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP).*

*Chi tiết chi phí tuân thủ thủ tục hành chính tại Phụ lục II kèm theo Bản đánh giá. (Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP).*

## 2. Thủ tục hành chính về mở rộng khu công nghệ số tập trung

**2.1. Sự cần thiết**

Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quyết định mở rộng khu CNTT tập trung. Trong khi đó, khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số phân cấp thẩm quyền quyết định mở rộng khu công nghệ số tập trung từ Thủ tướng Chính phủ xuống cho UBND cấp tỉnh. Theo quy định mới này, *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập,* ***mở rộng*** *kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc mở rộng khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án mở rộng đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Do vậy, việc xây dựng quy định thủ tục hành chính mở rộng khu công nghệ số tập trung là cấp thiết để phù hợp với quy định của pháp luật.

**2.2. Tính hợp lý**

Thủ tục hành chính được quy định chi tiết, rõ ràng, đơn giản hóa tối đa để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực hiện dự án mở rộng đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung.

**2.3. Tính hợp pháp**

Thủ tục hành chính được quy định phù hợp với thẩm quyền ban hành của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Nội dung của thủ tục hành chính thống nhất trong toàn bộ dự thảo Nghị định, không trái với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đáp ứng yêu cầu của việc quy định thủ tục hành chính tại khoản 2 Điều 8 văn bản hợp nhất số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017).

**2.4. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính**

Dự thảo Nghị định không quy định thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính mở rộng khu công nghệ số tập trung, trong đó:

- Chi phí tuân thủ: 3.364.608.

- Tổng chi phí thực hiện trong 01 năm: 3.364.608 đồng/năm.

*Chi tiết đánh giá tác động của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới tại Phụ lục I kèm theo Bản đánh giá này. (Biểu mẫu 02/ĐGTĐ-BHM Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP).*

*Chi tiết chi phí tuân thủ thủ tục hành chính tại Phụ lục II kèm theo Bản đánh giá. (Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP).*

## 3. Thủ tục hành chính về công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung

**3.1. Sự cần thiết**

Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quyết định công nhận khu CNTT tập trung. Trong khi đó, khoản 2 Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định phân cấp thẩm quyền quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung từ Thủ tướng Chính phủ xuống cho UBND cấp tỉnh.

Điều 5 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định về tiêu chí công nhận khu CNTT tập trung. Trong khi, khoản 1 Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định các tiêu chí công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung và khoản 3 Điều 23 giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí; trình tự, thủ tục công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung. Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, nhu cầu sử dụng đất, nhân lực để hoạt động nghiên cứu và phát triển, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu công nghệ số tập trung đã khiến các tiêu chí được quy định tại Nghị định số 154/2013/NĐ-CP không còn phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển đối với khu công nghệ số tập trung.

Do đó, việc xây dựng quy định thủ tục hành chính về công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung là cấp thiết để phù hợp với quy định của pháp luật.

**3.2. Tính hợp lý**

Thủ tục hành chính được quy định chi tiết, rõ ràng, đơn giản hóa tối đa để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tổ chức, doanh nghiệp trong việc đề nghị công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung.

**3.3. Tính hợp pháp**

Thủ tục hành chính được quy định phù hợp với thẩm quyền ban hành của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Nội dung của thủ tục hành chính thống nhất trong toàn bộ dự thảo Nghị định, không trái với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đáp ứng yêu cầu của việc quy định thủ tục hành chính tại khoản 2 Điều 8 văn bản hợp nhất số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017).

**3.4. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính**

Dự thảo Nghị định không quy định thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung, trong đó:

- Chi phí tuân thủ: 2.226.144 đồng.

- Tổng chi phí thực hiện trong 01 năm: 2.226.144 đồng/năm:

*Chi tiết đánh giá tác động của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới tại Phụ lục I kèm theo Bản đánh giá này. (Biểu mẫu 02/ĐGTĐ-BHM Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP).*

*Chi tiết chi phí tuân thủ thủ tục hành chính tại Phụ lục II kèm theo Bản đánh giá. (Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP).*

Trên đây là Bản đánh giá thủ tục hành chính Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung./.

**Phụ lục I**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **Biểu mẫu 02/ĐGTĐ-BHM**  *(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)* |

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI**

**TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**Tên dự án, dự thảo văn bản:** Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung.

# Thủ tục hành chính 1: Thành lập khu công nghệ số tập trung.

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN** | |
| **1.** **Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?** | a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số, UBND cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định thành lập khu công nghệ số tập trung. Việc thành lập khu công nghệ số tập trung tại địa phương yêu cầu phải đáp ứng các điều kiện về: phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển công nghiệp công nghệ số, các chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia về phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, các lĩnh vực ứng dụng công nghệ số trọng điểm, công nghệ chiến lược; phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh; có quy mô, diện tích hợp lý và tổ chức phân khu chức năng đáp ứng yêu cầu phát triển các dự án công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung.   b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Phát triển các khu công nghệ số tập trung đã được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những định hướng trọng tâm phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam. Sự ra đời của các khu công nghệ số tập trung đã tạo ra cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số hoạt động, góp phần phát triển ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước - ngành công nghiệp công nghệ số. Khu công nghệ số tập trung cũng là vườn ươm cho doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phát triển; đồng thời, là trung tâm đào tạo nhân lực quan trọng cho cả nước nói chung và ngành công nghiệp công nghệ số nói riêng. Với vai trò chiến lược quan trọng, việc thành lập khu công nghệ số tập trung cần có sự quản lý chặt chẽ, bảo đảm các khu công nghệ số tập trung có thể phát triển và hoạt động hiệu quả, phù hợp với định hướng chiến lược về phát triển công nghiệp công nghệ số; tránh đầu tư dàn trải, tự phát; sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia một cách có hiệu quả; tạo ra một môi trường đầu tư kinh doanh chất lượng cao, có khả năng thu hút lao động trình độ cao và cạnh tranh quốc tế. |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:  - Quyền: Tổ chức, doanh nghiệp được phép thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung. UBND cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định thành lập khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật.  - Nghĩa vụ: Tuân thủ quy định về điều kiện; hồ sơ, trình tự và thủ tục thực hiện thủ tục hành chính về thành lập khu công nghệ số tập trung.  - Lợi ích: Tổ chức, doanh nghiệp được phép quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung; hưởng các hỗ trợ, ưu đãi về đầu tư theo quy định của pháp luật.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:  Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính về thành lập khu công nghệ số tập trung. |
| **3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?** | a) Lý do quy định thủ tục hành chính:  Khoản 5 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện thành lập khu công nghệ số tập trung; trình tự, thủ tục lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung.  b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản:  - Điều 10 dự thảo Nghị định quy định về điều kiện thành lập khu công nghệ số tập trung.  - Điều 17 - Điều 20 dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung. |
| **4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?** | Có  Không  Nếu Không, nêu rõ lý do: Việc quy định thủ tục hành chính về thành lập khu công nghệ số tập trung đáp ứng theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số, trong đó giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện thành lập khu công nghệ số tập trung; trình tự, thủ tục lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung. |
| **II.** **ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có  Không  - Với văn bản của cơ quan khác: Có  Không  Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có  Không |
| **III.** **ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và trình tự các bước thực hiện. |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 33, 36 Luật Đầu tư; Điều 30, 31 và 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 33, 36 Luật Đầu tư; Điều 30, 31 và 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Quản lý tập trung, thống nhất; giải quyết TTHC kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền; không làm phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Tăng cường biện pháp quản lý nhà nước về phát triển khu công nghệ số tập trung; kịp thời nắm bắt thông tin, khắc phục những thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật (nếu có) hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định để phù hợp với thực tiễn.  Lý do quy định:  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không |
| **3. Cách thức thực hiện** | |
| a) Nộp hồ sơ  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử  b) Nhận kết quả  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 33, 36 Luật Đầu tư; Điều 30, 31 và 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 33, 36 Luật Đầu tư; Điều 30, 31 và 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1:  Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư[[2]](#footnote-2), gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận do nhà đầu tư đề xuất hoặc Tờ trình[[3]](#footnote-3) chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập. | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được* ***thành lập****, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2:  Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.[[4]](#footnote-4) | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được* ***thành lập****, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3:  Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.[[5]](#footnote-5) | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được* ***thành lập****, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| d) Tên thành phần hồ sơ 4:  Đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (trường hợp pháp luật yêu cầu).[[6]](#footnote-6) [[7]](#footnote-7) | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được* ***thành lập****, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. Nội dung của đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định. |
| đ) Tên thành phần hồ sơ 4:  Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.[[8]](#footnote-8) | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được* ***thành lập****, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính hoặc bản sao.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| e) Tên thành phần hồ sơ 5:  Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được* ***thành lập****, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| g) Tên thành phần hồ sơ 6:  Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được* ***thành lập****, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| h) Tên thành phần hồ sơ 7:  Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được* ***thành lập****, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có  Không  Nêu rõ: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 33, 36 Luật Đầu tư; Điều 30, 31 và 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và Điều 10 dự thảo Nghị định. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 01. | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Đã quy định chi tiết tại Điều 36 Luật Đầu tư và Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  Lý do quy định: Đã quy định chi tiết tại Điều 36 Luật Đầu tư và Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: Là cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam.  Lý do quy định: Khoản 2 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“Việc* ***thành lập****, mở rộng khu công nghệ số tập trung được thực hiện thông qua lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo các phương thức: a) Sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công; b) Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; c) Sử dụng vốn doanh nghiệp.”*.  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Trường hợp mở rộng đối tường cần đánh giá sự tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  - Biên giới  Hải đảo  Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung linh hoạt, phù hợp với định hướng, chính sách phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?  Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã áp dựng quy mô toàn quốc. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 01. | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  Lý do quy định: Theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số và Luật Đầu tư, UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập khu công nghệ số tập trung. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số và pháp luật về đầu tư. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không  Có  - Phí: Không  Có  - Chi phí khác: Không  Có |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có  Không |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  Lý do: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| b) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt  Song ngữ  Nêu rõ loại song ngữ: |
| **10. Yêu cầu điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có  Không  Lý do quy định: Bảo đảm các khu công nghệ số tập trung có thể phát triển và hoạt động hiệu quả, phù hợp với định hướng chiến lược về phát triển công nghiệp công nghệ số; tránh đầu tư dàn trải, tự phát; sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia một cách có hiệu quả; tạo ra một môi trường đầu tư kinh doanh chất lượng cao, có khả năng thu hút lao động trình độ cao và cạnh tranh quốc tế. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1:  Phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển công nghệ số, công nghiệp công nghệ số: Phù hợp với mục tiêu, định hướng tại các chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia, cấp bộ, ngành (nếu có) về phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, các lĩnh vực ứng dụng công nghệ số trọng điểm, công nghệ chiến lược. | - Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung phù hợp với chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| b) Yêu cầu, điều kiện 2:  Phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia có liên quan; Phù hợp với Quy hoạch tỉnh trong đó thuộc Danh mục các khu công nghệ số tập trung hoặc danh mục khu chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch khác có liên quan đảm bảo sử dụng tài nguyên đất tiết kiệm, hiệu quả. | - Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung phù hợp với pháp luật về quy hoạch.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| c) Yêu cầu, điều kiện 3:  Khu công nghệ số tập trung có quy mô diện tích đất tối thiểu từ 10 (mười) ha trở lên. Đối với khu công nghệ số tập trung tập trung chỉ tập trung về sản xuất phần mềm, sản phẩm nội dung số và cung cấp dịch vụ công nghệ số có quy mô diện tích đất tối thiểu từ 02 (hai) ha trở lên. | - Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung hiệu quả, có quy mô diện tích phù hợp cho phát triển công nghiệp công nghệ số.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| d) Yêu cầu, điều kiện 4:  Quy hoạch xây dựng và tổ chức phân khu chức năng của khu công nghệ số tập trung phù hợp theo quy định | - Lý do quy định: Bảo đảm việc quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung phù hợp theo pháp luật về xây dựng, tổ chức không gian và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| đ) Yêu cầu, điều kiện 5:  Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ số tập trung theo quy định. | - Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung hoạt động đúng mục đích, phục vụ phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| e) Yêu cầu, điều kiện 6:  Các khu công nghệ số tập trung đang hoạt động trên địa bàn có diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ số tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 60%. | - Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung một cách có hiệu quả, tránh dàn trải, tự phát, gây thất thoát và lãng phí tài nguyên quốc gia.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| g) Yêu cầu, điều kiện 7:  Có khả năng kết nối đồng bộ, thuận lợi với hạ tầng số[[9]](#footnote-9), hệ thống hạ tầng kỹ thuật[[10]](#footnote-10) và hạ tầng xã hội thiết yếu bên ngoài khu công nghệ số tập trung. | - Lý do quy định: Bảo đảm điều kiện thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| h) Yêu cầu, điều kiện 7:  Bảo đảm các yêu cầu về quốc phòng, an ninh. | - Lý do quy định: Bảo đảm vị trí, địa điểm và hoạt động của khu công nghệ số tập trung không vi phạm về quốc phòng, an ninh.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung.  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy  Bản điện tử |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có  Không  Lý do: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có  Không  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư (thời hạn của dự án đầu tư). |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc  Địa phương  Lý do: Là căn cứ để hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật. |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: Lê Đức Hiệp.  Điện thoại cố định: 024 3943 7310; Di động: 0974 012 218; Email: [ldhiep@mst.gov.vn](mailto:ldhiep@mst.gov.vn). | |

# Thủ tục hành chính 2: Mở rộng khu công nghệ số tập trung.

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN** | |
| **1.** **Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?** | a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số, UBND cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định mở rộng khu công nghệ số tập trung. Việc mở rộng khu công nghệ số tập trung tại địa phương yêu cầu phải đáp ứng các điều kiện về: phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển công nghiệp công nghệ số, các chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia về phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, các lĩnh vực ứng dụng công nghệ số trọng điểm, công nghệ chiến lược; phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh; có quy mô, diện tích hợp lý và tổ chức phân khu chức năng đáp ứng yêu cầu phát triển các dự án công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung.   b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Việc mở rộng khu công nghệ số tập trung cần có sự quản lý chặt chẽ, bảo đảm các khu công nghệ số tập trung có thể phát triển và hoạt động hiệu quả, phù hợp với định hướng chiến lược về phát triển công nghiệp công nghệ số; tránh đầu tư dàn trải, tự phát; sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia một cách có hiệu quả; tạo ra một môi trường đầu tư kinh doanh chất lượng cao, có khả năng thu hút lao động trình độ cao và cạnh tranh quốc tế. |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:  - Quyền: Tổ chức, doanh nghiệp được phép thực hiện dự án mở rộng đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung. UBND cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định thành lập khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật.  - Nghĩa vụ: Tuân thủ quy định về điều kiện; hồ sơ, trình tự và thủ tục thực hiện thủ tục hành chính về mở rộng khu công nghệ số tập trung.  - Lợi ích: Tổ chức, doanh nghiệp được phép quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung mở rộng; hưởng các hỗ trợ, ưu đãi về đầu tư theo quy định của pháp luật.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:  Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính về mở rộng khu công nghệ số tập trung. |
| **3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?** | a) Lý do quy định thủ tục hành chính:  Khoản 3 Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số giao Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí; trình tự, thủ tục công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung.  b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản:  - Điều 12 dự thảo Nghị định quy định về điều kiện thành lập khu công nghệ số tập trung.  - Điều 14 dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung. |
| **4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?** | Có  Không  Nếu Không, nêu rõ lý do: Việc quy định thủ tục hành chính về mở rộng khu công nghệ số tập trung đáp ứng theo quy định tại Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số, trong đó giao Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí; trình tự, thủ tục công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung. |
| **II.** **ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có  Không  - Với văn bản của cơ quan khác: Có  Không  Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có  Không |
| **III.** **ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và trình tự các bước thực hiện. |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 33, 36 Luật Đầu tư; Điều 30, 31 và 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 33, 36 Luật Đầu tư; Điều 30, 31 và 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Quản lý tập trung, thống nhất; giải quyết TTHC kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền; không làm phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Tăng cường biện pháp quản lý nhà nước về phát triển khu công nghệ số tập trung; kịp thời nắm bắt thông tin, khắc phục những thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật (nếu có) hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định để phù hợp với thực tiễn.  Lý do quy định:  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không |
| **3. Cách thức thực hiện** | |
| a) Nộp hồ sơ  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử  b) Nhận kết quả  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 33, 36 Luật Đầu tư; Điều 30, 31 và 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 33, 36 Luật Đầu tư; Điều 30, 31 và 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1:  Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư[[11]](#footnote-11), gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận do nhà đầu tư đề xuất hoặc Tờ trình[[12]](#footnote-12) chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập. | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập,* ***mở rộng*** *kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2:  Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.[[13]](#footnote-13) | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập,* ***mở rộng*** *kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3:  Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.[[14]](#footnote-14) | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập,* ***mở rộng*** *kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| d) Tên thành phần hồ sơ 4:  Đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (trường hợp pháp luật yêu cầu).[[15]](#footnote-15) [[16]](#footnote-16) | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập,* ***mở rộng*** *kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. Nội dung của đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định. |
| đ) Tên thành phần hồ sơ 4:  Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.[[17]](#footnote-17) | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập,* ***mở rộng*** *kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính hoặc bản sao.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| e) Tên thành phần hồ sơ 5:  Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập,* ***mở rộng*** *kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| g) Tên thành phần hồ sơ 6:  Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập,* ***mở rộng*** *kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| h) Tên thành phần hồ sơ 7:  Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). | - Nêu rõ lý do quy định:  Khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập,* ***mở rộng*** *kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”*. Như vậy, việc thành lập khu công nghệ số tập trung sẽ gắn với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có  Không  Nêu rõ: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 33, 36 Luật Đầu tư; Điều 30, 31 và 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và Điều 11 dự thảo Nghị định. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 01. | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Đã quy định chi tiết tại Điều 36 Luật Đầu tư và Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.  Lý do quy định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  Lý do quy định: Đã quy định chi tiết tại Điều 36 Luật Đầu tư và Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: Là cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam.  Lý do quy định: Khoản 2 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định: *“Việc thành lập,* ***mở rộng*** *khu công nghệ số tập trung được thực hiện thông qua lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo các phương thức: a) Sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công; b) Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; c) Sử dụng vốn doanh nghiệp.”*.  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Trường hợp mở rộng đối tường cần đánh giá sự tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  - Biên giới  Hải đảo  Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung linh hoạt, phù hợp với định hướng, chính sách phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?  Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã áp dựng quy mô toàn quốc. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 01. | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  Lý do quy định: Theo quy định tại Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số và Luật Đầu tư, UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền quyết định mở rộng khu công nghệ số tập trung. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số và pháp luật về đầu tư. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không  Có  - Phí: Không  Có  - Chi phí khác: Không  Có |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có  Không |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  Lý do: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| b) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt  Song ngữ  Nêu rõ loại song ngữ: |
| **10. Yêu cầu điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có  Không  Lý do quy định: Bảo đảm các khu công nghệ số tập trung có thể phát triển và hoạt động hiệu quả, phù hợp với định hướng chiến lược về phát triển công nghiệp công nghệ số; tránh đầu tư dàn trải, tự phát; sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia một cách có hiệu quả; tạo ra một môi trường đầu tư kinh doanh chất lượng cao, có khả năng thu hút lao động trình độ cao và cạnh tranh quốc tế. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1:  Đối với khu công nghệ số tập trung mở rộng tại khu vực liền kề với khu công nghệ số tập trung phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 7 Điều 10 Nghị định này. | - Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung phù hợp với chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| b) Yêu cầu, điều kiện 2:  Đối với khu công nghệ số tập trung mở rộng tại khu vực tách biệt với khu công nghệ số tập trung phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 10 Nghị định này. | - Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung phù hợp với pháp luật về quy hoạch.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| c) Yêu cầu, điều kiện 3:  Hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đã được cơ bản đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt. | - Lý do quy định: Bảo đảm điều kiện thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| d) Yêu cầu, điều kiện 4:  Quy hoạch xây dựng và tổ chức phân khu chức năng của khu công nghệ số tập trung phù hợp theo quy định | - Lý do quy định: Bảo đảm việc quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung phù hợp theo pháp luật về xây dựng, tổ chức không gian và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| đ) Yêu cầu, điều kiện 4:  Diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ số tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 70%. | - Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung một cách có hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí tài nguyên quốc gia.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung.  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy  Bản điện tử |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có  Không  Lý do: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có  Không  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư (thời hạn của dự án đầu tư). |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc  Địa phương  Lý do: Là căn cứ để hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật. |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: Lê Đức Hiệp.  Điện thoại cố định: 024 3943 7310; Di động: 0974 012 218; Email: [ldhiep@mst.gov.vn](mailto:ldhiep@mst.gov.vn). | |

# Thủ tục hành chính 3: Công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung.

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN** | |
| **1.** **Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?** | a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số, UBND cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung. Việc công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung yêu cầu phải đáp ứng các tiêu chí: Có hoạt động phù hợp các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung; nhân lực, quy mô diện tích và tổ chức phân khu chức năng.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Khu công nghệ số tập trung được hình thành nhằm tạo ra một môi trường tối ưu và hệ sinh thái lý tưởng cho các doanh nghiệp công nghệ số hoạt động. Hiện nay, khu công nghệ số tập trung đã chứng minh đây là không gian lý tưởng để khuyến khích sự phát triển công nghiệp công nghệ số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, ứng dụng thành tựu công nghệ số vào thị trường qua đó đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của các quốc gia.  Tại các quốc gia có nền kinh tế phát triển và đang phát triển, xu hướng thành lập các khu có mô hình tương tự như khu công nghệ số tập trung (IT Park, Software Park, Innovation Park, Science and Technology Park) được chú trọng và đặt mục tiêu là tiền đề thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, trọng tâm là công nghệ số - công nghệ lõi và quan trọng nhất của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Các quốc gia có nền kinh tế càng phát triển thì số lượng khu công nghệ số tập trung càng nhiều. Các quốc gia đang phát triển sử dụng khu công nghệ số tập trung như là một công cụ để thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, qua đó bắt kịp các quốc gia phát triển về kinh tế. Theo thống kê, Mỹ đang là quốc gia sở hữu nhiều khu công nghệ số tập trung nhất với hơn 150 cơ sở, Nhật Bản là quốc gia tiếp theo với 111 cơ sở, Trung Quốc bắt đầu phát triển khu CNTT tập trung vào giữa những năm 1980 và hiện giờ có khoảng 100 cơ sở.  Chính vì vậy, phát triển các khu công nghệ số tập trung đã được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những định hướng trọng tâm phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam, tạo động lực thực hiện công cuộc đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp trong giai đoạn tới. Trên cơ sở đó, chính sách này khuyến khích chuyển đổi các khu chức năng đáp ứng các tiêu chí sẽ được công nhận là khu công nghệ số tập trung. Qua đó, thúc đẩy mạnh mẽ cơ sở hạ tầng cho ngành công nghiệp công nghệ số. |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:  - Quyền: Tổ chức, doanh nghiệp quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu chức năng mà đáp ứng tiêu chí sẽ được công nhận là khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật.  - Nghĩa vụ: Tuân thủ quy định về tiêu chí; hồ sơ, trình tự và thủ tục thực hiện thủ tục hành chính về công nhận khu công nghệ số tập trung.  - Lợi ích: Tổ chức, doanh nghiệp được phép quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung; hưởng các hỗ trợ, ưu đãi về đầu tư theo quy định của pháp luật.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:  Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính về công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung. |
| **3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?** | a) Lý do quy định thủ tục hành chính:  Khoản 3 Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số giao Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí; trình tự, thủ tục công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung.  b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản:  - Điều 12 dự thảo Nghị định quy định về tiêu chí công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung.  - Điều 14 dự thảo Nghị định quy định về hồ sơ; trình tự, thủ tục công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung. |
| **4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?** | Có  Không  Nếu Không, nêu rõ lý do: Việc quy định thủ tục hành chính về công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung đáp ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số, trong đó giao Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí; trình tự, thủ tục công nhân khu chức năng là khu công nghệ số tập trung. |
| **II.** **ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có  Không  - Với văn bản của cơ quan khác: Có  Không  Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có  Không |
| **III.** **ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và trình tự các bước thực hiện. |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 14 dự thảo Nghị định. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 14 dự thảo Nghị định. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 14 dự thảo Nghị định. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Tăng cường biện pháp quản lý nhà nước về phát triển khu công nghệ số tập trung; kịp thời nắm bắt thông tin, khắc phục những thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật (nếu có) hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định để phù hợp với thực tiễn.  Lý do quy định:  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không |
| **3. Cách thức thực hiện** | |
| a) Nộp hồ sơ  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử  b) Nhận kết quả  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 14 dự thảo Nghị định.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 14 dự thảo Nghị định. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1:  Văn bản đề nghị công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung của Nhà đầu tư | - Nêu rõ lý do quy định: Xác định thông tin và đề xuất của nhà đầu tư.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Xác thực thông tin và đề xuất của nhà đầu tư là đúng sự thật. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2:  Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng. | - Nêu rõ lý do quy định: Xác định thông tin của khu chức năng theo đúng quy định của pháp luật.  - Yêu cầu về hình thức: Bản sao.  Lý do quy định: Xác thực thông tin, tính pháp lý của khu chức năng là đúng sự thật. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3:  Báo cáo tổng thể hoạt động khu chức năng bao gồm các nội dung: (i) Tổng quan về khu chức năng (quá trình hình thành phát triển, mô hình tổ chức quản lý; tổng mức đầu tư qua các giai đoạn,...); (ii) Thuyết minh sự phù hợp các tiêu chí quy định tại Điều 13 của Nghị định này và các tài liệu chứng minh kèm theo; (iii) Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư; (iv) Báo cáo tài chính (nếu có); (v) Báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội và môi trường; (vi) Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quy hoạch và quản lý sau khi được công nhận là khu công nghệ số tập trung; (vii) Bản mô tả phương hướng phát triển (mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, hoạt động đầu tư trong lĩnh vực công nghệ số). | - Nêu rõ lý do quy định: Xác định thông tin, hiện trạng của khu chức năng đang hoạt động và đáp ứng các tiêu chí để được công nhận là khu công nghệ số tập trung.  - Yêu cầu về hình thức: Bản chính.  Lý do quy định: Xác thực thông tin trong báo cáo từ nhà đầu tư là đúng sự thật. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 01. | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.  Lý do quy định: Bảo đảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính phù hợp. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  Lý do quy định: Đã quy định rõ thời gian và cách thức thực hiện tại Điều 14 dự thảo Nghị định.. |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: Là cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam.  Lý do quy định: Bảo đảm tính bình đẳng, không phân biệt với các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính trong trường hợp đáp ứng theo quy định của pháp luật.  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Trường hợp mở rộng đối tường cần đánh giá sự tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  - Biên giới  Hải đảo  Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung linh hoạt, phù hợp với định hướng, chính sách phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?  Có  Không  Nêu rõ lý do: Đã áp dựng quy mô toàn quốc. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 01. | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  Lý do quy định: Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Công nghiệp công nghệ số và Luật Đầu tư, UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không  Có  - Phí: Không  Có  - Chi phí khác: Không  Có |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có  Không |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  Lý do: Thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số. |
| b) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt  Song ngữ  Nêu rõ loại song ngữ: |
| **10. Yêu cầu điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có  Không  Lý do quy định: Bảo đảm việc chuyển đổi các khu chức năng là khu công nghệ số tập trung một cách phù hợp, các khu công nghệ số tập trung có thể phát triển và hoạt động hiệu quả. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1:  Có hoạt động phù hợp các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung | - Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung đúng mục đích, hiệu quả.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| b) Yêu cầu, điều kiện 2:  Có tối thiểu 2.000 lao động làm việc chuyên môn về công nghệ số, chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu công nghệ số tập trung. Đối với khu công nghệ số tập trung chỉ tập trung hoạt động sản xuất phần mềm, nội dung số và cung cấp dịch vụ công nghệ số phải có tối thiểu 1.000 lao động làm việc chuyên môn về công nghệ số, chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu công nghệ số tập trung. | - Lý do quy định: Bảo đảm nguồn lực cho hoạt động khu công nghệ số tập trung.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| c) Yêu cầu, điều kiện 3:  Có quy mô diện tích đáp ứng theo quy định tại Điểm a hoặc Điểm b Khoản 3 Điều 10 Nghị định này. | - Lý do quy định: Bảo đảm phát triển khu công nghệ số tập trung hiệu quả, có quy mô diện tích phù hợp cho phát triển công nghiệp công nghệ số.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| d) Yêu cầu, điều kiện 4:  Có các phân khu chức năng phù hợp theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này. | - Lý do quy định: Bảo đảm việc quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung phù hợp theo pháp luật về xây dựng, tổ chức không gian và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: Quyết định của UBND cấp tỉnh về việc công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung.  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy  Bản điện tử |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có  Không  Lý do: Thực hiện theo quy định của pháp luật về Quyết định hành chính tại địa phương. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có  Không  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư (thời hạn của dự án đầu tư). |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc  Địa phương  Lý do: Là căn cứ để hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật. |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: Lê Đức Hiệp.  Điện thoại cố định: 024 3943 7310; Di động: 0974 012 218; Email: [ldhiep@mst.gov.vn](mailto:ldhiep@mst.gov.vn). | |

**Phụ lục II**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM**  *(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)* |

**CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI**

**TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**Tên dự án, dự thảo văn bản:** Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung.

**Thủ tục hành chính 1:** Thành lập khu công nghệ số tập trung.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận do nhà đầu tư đề xuất hoặc Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập | Theo quy định của Luật Đầu tư | 2,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 108.568 | 108.568 |
| 1.2 | Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư | Theo quy định của Luật Đầu tư | 1,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 54.784 | 54.784 |
| 1.3 | Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư | Theo quy định của Luật Đầu tư | 8,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 431.272 | 431.272 |
| 1.4 | Đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (trường hợp pháp luật yêu cầu) | Theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Công nghiệp công nghệ số | 36,0 | 53.784 |  | 5.000 | 1 | 1 | 1.941.224 | 1.941.224 |
| 1.5 | Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư | Theo quy định của Luật Đầu tư | 1,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 54.784 | 54.784 |
| 1.6 | Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ | Theo quy định của Luật Đầu tư | 8,0 | 53.784 |  | 5.000 | 1 | 1 | 435.272 | 435.272 |
| 1.7 | Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC | Theo quy định của Luật Đầu tư | 2,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 108.568 | 108.568 |
| 1.8 | Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có) | Theo quy định của Luật Đầu tư | 2,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 108.568 | 108.568 |
| **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 2,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 107.568 | 0 |
|  |  | Bưu điện | 1,0 | 53.784 |  | 67.500 | 1 | 0 | 121.284 | 0 |
|  |  | Internet | 0,5 | 53.784 |  |  | 1 | 1 | 26.892 | 26.892 |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  | 0,5 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Phí |  | 0,5 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Lệ phí |  | 1,0 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Công việc khác** (nếu có) |  | 0,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **6** | **Nhận kết quả** | Trực tiếp | 2,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 107.568 | 0 |
|  |  | Bưu điện | 1,0 | 53.784 |  | 14.000 | 1 | 1 | 67.784 | 67.784 |
|  |  | Internet | 0,5 | 53.784 |  |  | 1 | 1 | 26.892 | 26.892 |
|  |  | Khác | 0,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 0 | 0 |
|  | **TỔNG** | |  |  |  | **97.500** |  |  | **3.701.028** | **3.364.608** |

**Thủ tục hành chính 2:** Mở rộng khu công nghệ số tập trung.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (mở rộng), gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận do nhà đầu tư đề xuất hoặc Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập | Theo quy định của Luật Đầu tư | 2,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 108.568 | 108.568 |
| 1.2 | Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư | Theo quy định của Luật Đầu tư | 1,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 54.784 | 54.784 |
| 1.3 | Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư | Theo quy định của Luật Đầu tư | 8,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 431.272 | 431.272 |
| 1.4 | Đề xuất dự án đầu tư (mở rộng) hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (trường hợp pháp luật yêu cầu) | Theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Công nghiệp công nghệ số | 36,0 | 53.784 |  | 5.000 | 1 | 1 | 1.941.224 | 1.941.224 |
| 1.5 | Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư | Theo quy định của Luật Đầu tư | 1,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 54.784 | 54.784 |
| 1.6 | Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ | Theo quy định của Luật Đầu tư | 8,0 | 53.784 |  | 5.000 | 1 | 1 | 435.272 | 435.272 |
| 1.7 | Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC | Theo quy định của Luật Đầu tư | 2,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 108.568 | 108.568 |
| 1.8 | Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có) | Theo quy định của Luật Đầu tư | 2,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 108.568 | 108.568 |
| **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 2,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 107.568 | 0 |
|  |  | Bưu điện | 1,0 | 53.784 |  | 67.500 | 1 | 0 | 121.284 | 0 |
|  |  | Internet | 0,5 | 53.784 |  |  | 1 | 1 | 26.892 | 26.892 |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  | 0,5 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Phí |  | 0,5 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Lệ phí |  | 1,0 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Công việc khác** (nếu có) |  | 0,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **6** | **Nhận kết quả** | Trực tiếp | 2,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 107.568 | 0 |
|  |  | Bưu điện | 1,0 | 53.784 |  | 14.000 | 1 | 1 | 67.784 | 67.784 |
|  |  | Internet | 0,5 | 53.784 |  |  | 1 | 1 | 26.892 | 26.892 |
|  |  | Khác | 0,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 0 | 0 |
|  | **TỔNG** | |  |  |  | **97.500** |  |  | **3.701.028** | **3.364.608** |

**Thủ tục hành chính 3:** Công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Văn bản đề nghị công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung của Nhà đầu tư | Theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số | 2,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 108.568 | 108.568 |
| 1.2 | Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng | Theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số | 1,0 | 53.784 |  | 1.000 | 1 | 1 | 54.784 | 54.784 |
| 1.3 | Báo cáo tổng thể hoạt động khu chức năng | Theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số | 36,0 | 53.784 |  | 5.000 | 1 | 1 | 1.941.224 | 1.941.224 |
| **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 2,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 107.568 | 0 |
|  |  | Bưu điện | 1,0 | 53.784 |  | 67.500 | 1 | 0 | 121.284 | 0 |
|  |  | Internet | 0,5 | 53.784 |  |  | 1 | 1 | 26.892 | 26.892 |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  | 0,5 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Phí |  | 0,5 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Lệ phí |  | 1,0 | 53.784 |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Công việc khác** (nếu có) |  | 0,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 0 | 0 |
| **6** | **Nhận kết quả** | Trực tiếp | 2,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 107.568 | 0 |
|  |  | Bưu điện | 1,0 | 53.784 |  | 14.000 | 1 | 1 | 67.784 | 67.784 |
|  |  | Internet | 0,5 | 53.784 |  |  | 1 | 1 | 26.892 | 26.892 |
|  |  | Khác | 0,0 | 53.784 |  |  | 1 | 0 | 0 | 0 |
|  | **TỔNG** | |  |  |  | **88.500** |  |  | **2.562.564** | **2.226.144** |

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. Điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-2)
3. Điểm a khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-3)
4. Điềm c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-4)
5. Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-5)
6. Điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-6)
7. Điềm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-7)
8. Điểm e khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-8)
9. Mạng viễn thông và Internet; hệ thống thông tin, trung tâm dữ liệu, hệ thống giám sát và bảo đảm an toàn thông tin. [↑](#footnote-ref-9)
10. Đường giao thông, điện, nước sạch, cấp nước, thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn và công trình khác. [↑](#footnote-ref-10)
11. Điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điểm a khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-12)
13. Điềm c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-13)
14. Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-14)
15. Điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-15)
16. Điềm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-16)
17. Điểm e khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-17)